

Bản án số: 321/2025/HS-PT
Ngày: 04 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn

ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 183/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo **Nguyễn Đức N** và **Phạm Minh T5**; do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Đức N**, sinh ngày 25/10/1980 tại **huyện N, tỉnh Quảng Nam**; nơi cư trú: **thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: lao động phổ thông; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Nguyễn Đức M** (sinh năm 1952) và bà **Huỳnh Thị P** (sinh năm 1954), bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 04 người con; có vợ **Ngô Thị Cẩm T** (sinh năm 1979) và có 02 con, con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 28 tháng 9 năm 2023, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự theo Bản án số 484/2023/HS-PT; hiện bị cáo đang thi hành án bản án số: 484/2023/HS-PT; có mặt.

2. **Phạm Minh T5**, sinh ngày 22/12/1990 tại **huyện N, tỉnh Quảng Nam**; nơi cư trú: **thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; nghề nghiệp: lái xe; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông **Phạm Minh N1** (sinh năm 1959) và bà **Lê Thị C** (sinh năm 1963), bị cáo là con đầu trong gia

đình có 03 người con; có vợ **Lưu Thị Kim Q** (sinh năm 1996) và có 02 con, con lớn sinh năm 2021 và con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 29/01/2013, bị **Công an thành phố T** xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 42/QĐ-CA;

- Ngày 25/5/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ xử phạt 04 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 41/22013/HS-ST (đã chấp hành xong hình phạt tù và quyết định khác của bản án);

- Ngày 22/10/2017, bị **Công an huyện N** xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 236/QĐ-XPVPHC (đã nộp phạt ngày 27/10/2017);

- Ngày 09/11/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 24 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 259/2022/HSPT (chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/4/2024).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức N theo yêu cầu của bị cáo:*

+ Luật sư **Từ Văn Q1 – Văn phòng L**, thuộc **Đoàn Luật sư thành phố Đ**; địa chỉ: **Số A Hải Phòng, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng**; vắng mặt.

+ Luật sư **Nguyễn Thành Q2 – Văn phòng L1** và Cộng sự, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**. Địa chỉ: **H đường T, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh T5 theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng:* Luật sư **Lê Tùng M1 – Văn phòng L2**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **K C, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam**; xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh T5 theo yêu cầu của gia đình bị cáo:* Luật sư **Nguyễn Phúc T1 – Công ty L3**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**; địa chỉ: **P chung cư S đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

- *Bị hại:*

Ông **Lê Nguyễn Tường P1** (tên gọi khác: **Phi T2**), sinh năm 1989; địa chỉ: **thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Nguyễn Tường P1 và **Phạm Minh T5** cùng là bị can trong vụ án “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*” xảy ra tại **xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam** vào ngày 25/9/2019. **Phạm Minh T5** bị khởi tố và tạm giam về tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh vào ngày 18/12/2019. **Lê Nguyễn Tường P1** bị khởi tố và tạm giam về tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự, được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh vào

ngày 19/02/2020. Sau khi được tại ngoại, Lê Nguyễn Tường P1 gặp Phạm Minh T5 và nhờ T5 giúp đỡ để P1 được giảm nhẹ hình phạt khi Tòa án xét xử. Phạm Minh T5 đã liên hệ với Nguyễn Đức N nhờ N giúp đỡ cho P1. Qua trao đổi, Nguyễn Đức N hứa hẹn sẽ giúp P1 được xử mức án dưới 02 năm tù giam nhưng N yêu cầu đưa cho N số tiền 570.000.000 đồng (*năm trăm bảy mươi triệu đồng*) để giúp cho P1 như đã thỏa thuận. Phạm Minh T5 thông báo lại cho Lê Nguyễn Tường P1 biết nội dung mà N nói thì P1 đồng ý. Sau đó, Lê Nguyễn Tường P1 nhờ bạn là chị Nguyễn Thị T3 liên hệ với chị Nguyễn Thị Thanh H mượn cho P1 số tiền 570.000.000 đồng với mục đích để P1 đưa cho Nguyễn Đức N để giúp cho P1 được giảm nhẹ hình phạt.

Chiều ngày 17/9/2020, Phạm Minh T5 và Lê Nguyễn Tường P1 hẹn gặp nhau tại quán cà phê V (*trên đường L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam*) để P1 giao số tiền 570.000.000 đồng cho T5 nhằm giúp cho P1 được giảm nhẹ hình phạt. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Phạm Minh T5 nhờ anh Trương Văn H1 (*làm nghề tài xế lái xe dịch vụ*) điều khiển xe ô tô chở T5 đến quán cà phê V để gặp P1. Khi anh H1 chở T5 đến quán cà phê V thì gặp P1 và chị Nguyễn Thị T3. Một lúc sau, chị Nguyễn Thị T4 đem số tiền 570.000.000 đồng chứa trong túi nilon màu đen đến quán cà phê V đưa cho T3 và P1. P1, chị T4 và chị T3 cùng kiểm đếm, còn T5 ngồi ở bàn khác trong quán cà phê V. Sau khi P1 kiểm đếm đủ số tiền 570.000.000 đồng rồi đem qua bàn T5 đang ngồi và đưa cho T5.

Khi nhận tiền từ Lê Nguyễn Tường P1, Phạm Minh T5 sử dụng điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen bên trong có số thuê bao 0935221290 gọi đến số thuê bao 0943.040.508 của Nguyễn Đức N (*cuộc gọi phát sinh lúc 19 giờ 15 phút 43 giây ngày 17/9/2020*) hỏi N đang ở đâu để T5 đem tiền đến đưa cho N thì N nói với T5 là đang ở quán N3 thuộc thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Sau đó, Phạm Minh T5 cầm túi nilon chứa số tiền 570.000.000 lên xe ô tô của anh Trương Văn H1 rồi yêu cầu anh H1 chở đến quán N3 để gặp và giao tiền cho Nguyễn Đức N. Đến quán N3 thì T5 yêu cầu anh H1 dừng xe trước quán, T5 gọi điện thoại cho N ra gặp T5 (*cuộc gọi phát sinh lúc 19 giờ 33 phút 29 giây ngày 17/9/2020*). Lúc này, Nguyễn Đức N từ trong quán nhậu Hồ S đi ra, T5 đã mở cửa xe ô tô để đưa túi nilon chứa số tiền 570.000.000 cho N có sự chứng kiến của anh Trương Văn H1. Sau khi giao tiền cho Nguyễn Đức N xong, Phạm Minh T5 yêu cầu anh Trương Văn H1 điều khiển xe chở T5 về nhà tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam rồi T5 gọi điện thoại thông báo cho Lê Nguyễn Tường P1 biết.

Ngày 18/9/2020, Lê Nguyễn Tường P1 bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xử phạt 15 tháng tù giam và phạt bổ sung số tiền 50.000.000 đồng về tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự (theo Bản án số 40/2020/HSST ngày 18/9/2020). Ngày 08/02/2021, trong quá trình chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, Lê Nguyễn Tường P1 nhận thấy việc đưa tiền cho Phạm Minh T5 để giúp cho P1 được giảm nhẹ hình phạt khi xét xử là sai trái nên đã làm Đơn báo cáo gửi Giám thị Trại tạm giam và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q để điều tra làm rõ, xem xét cho P1 được nhận lại số tiền 570.000.000 đồng.

* *Vật chứng tạm giữ trong vụ án:*

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, Model: A1784, số IMEI: 355355082403824, bên trong có gắn sim số 0935221290 do **Phạm Minh T5** giao nộp;

- 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can Phạm Minh Tuấn vào ngày 24/4/2024;

- 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu ghi hình có âm thanh việc ghi lời khai anh **Trương Văn H1** vào ngày 22/4/2024;

- Đối với điện thoại di động Iphone XSMAX bên trong có sim số 0943040508 của **Nguyễn Đức N** là vật chứng đã bị tạm giữ, xử lý trong vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” xảy ra ngày 01/10/2020, theo Bản án số 484/2023/HS-PT ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

* *Về trách nhiệm dân sự*: bị can **Nguyễn Đức N** không thừa nhận việc chiếm đoạt số tiền 570.000.000 đồng của **Lê Nguyễn Tường P1**; bị can **Phạm Minh T5** khai nhận không hưởng lợi gì đối với trong số tiền 570.000.000 đồng của **Lê Nguyễn Tường P2**. Bị hại **Lê Nguyễn Tường P1** yêu cầu được nhận lại số tiền nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 108/CT-VKSQN-P2 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức Ngọc, Phạm Minh Tuấn về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Đức N**, **Phạm Minh T5** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức N** 12 (mười hai) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); tổng hợp với hình phạt 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 484/2023/HSPT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo **Nguyễn Đức N** phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/10/2020.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); xử phạt bị cáo **Phạm Minh T5** 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/4/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các Điều 585, 587, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo **Nguyễn Đức N** có nghĩa vụ trả lại cho bị hại **Lê Nguyễn Tường P1** số tiền đã chiếm đoạt là 570.000.000đ (năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo **Nguyễn Đức N** không tự nguyện thi hành số tiền nêu trên thì hằng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm.

[3] Kháng cáo:

Ngày 17-3-2025 bị cáo **Phạm Minh T5** kháng cáo đề nghị xem xét về hình phạt, vì hình phạt quá nặng và không phù hợp với tội danh, bị cáo không lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 17-3-2025 bị cáo **Nguyễn Đức N** kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án, nêu lý do là bản án sơ thẩm không đúng sự thật.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Đức N** giữ nguyên kháng cáo, trình bày ý kiến bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết. Bị cáo thừa nhận có nhận từ **T5** 400 triệu đồng để lo chạy giảm án nhẹ cho **P1**, nên không có hành vi lừa đảo.

Bị cáo **Phạm Minh T5** giữ nguyên kháng cáo, đề nghị xem xét lại hành vi bị cáo không lừa đảo; bị cáo đã thực hiện đúng như yêu cầu của **P1**, liên hệ xin giảm án, nên bị cáo **P1** mới chỉ bị phạt 15 tháng tù giam. Sau này bị cáo **P1** bị huỷ án xử lại nặng hơn nên mới tố cáo; do đó bị cáo không lừa đảo.

Luật sư bào chữa của bị cáo **Nguyễn Đức N** cho rằng chưa đủ căn cứ buộc tội lừa đảo đối với bị cáo **N**. Những chứng cứ làm cơ sở kết tội đối với bị cáo **N** có nhiều mâu thuẫn, cụ thể: Việc trao đổi nhờ chạy án với số tiền yêu cầu phải có 570.000.000 đồng chỉ là lời khai một phía của bị cáo **T5**, còn bị cáo **N** không thừa nhận vì **N** nói **N** không có quen biết ai để nhờ vả. Mặt khác, trong hồ sơ vụ án không có một chứng cứ vật chất, trực tiếp nào được thu thập để chứng minh giữa bị cáo **T5** và bị cáo **N** có trao đổi trước với nhau về việc yêu cầu anh **Lê Nguyễn Tường P1** đưa tiền để bị cáo **N** chạy án. Trong máy điện thoại của **Phạm Minh T5**, không phát hiện dữ liệu nào liên quan đến vụ án. Bị cáo **T5** xác định thời điểm đến trước quán **N3** thì trời đã tối, khoảng 19 giờ 30 phút. Lúc bị cáo **T5** lên xe tại quán café **V** khoảng 19 giờ 15 phút, lúc này thì trời cũng đã tối rồi, do vậy, kết hợp lời khai của anh **H1** và bị cáo **T5** đều cho rằng bị cáo **T5** ngồi phía sau, bên phải của xe, nghĩa là bị cáo **T5** lên xe từ cửa sau, bên phải do vậy việc anh **H1** khai rằng thấy bị cáo **T5** lúc lên xe có ôm trên tay một túi ni lông, bên trong có chứa tiền thì anh **H1** cũng không thể phát hiện chi tiết về túi đựng tiền như mô tả. Do đó lời khai của **H1** không khách quan. Khi đến quán **N3**, anh **H1** khai nhìn thấy **T5** đưa tiền cho **N** khi **T5** đang ngồi trong xe, mở cửa bên phải, **N** đứng ngoài xe. Lời khai này có nhiều mâu thuẫn vì từ vị trí của **H1** có các vật che khuất tầm nhìn nên với góc

nhìn đó H1 không thể thấy bị cáo T5 có đưa túi nilong cho N. Do đó, đề nghị hủy bản án sơ thẩm đề điều tra theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Minh T5 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi môi giới hối lộ hay là lừa đảo, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 cho bị cáo T5 vì lý do bị cáo chỉ là người giúp sức không đáng kể, bị cáo không chủ động mà do P1 nhờ vả, bị cáo do nể nang mà giúp, không hưởng lợi gì. Lê Nguyễn Tường P1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn bộ chứng cứ, xác định rõ hành vi phạm tội của từng bị cáo; không có cơ sở để xác định những hành vi như các bị cáo trình bày. Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo với hình phạt ở mức đầu khung hình phạt, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục tố tụng: các Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xem xét về hành vi phạm tội và tội danh:

Bị cáo Phạm Minh T5 khai nhận toàn bộ hành vi của mình; xét lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Bản thân Nguyễn Đức N không có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc giải quyết vụ án đối với hành vi phạm tội của Lê Nguyễn Tường P1 và không có khả năng giúp cho P1 được giảm nhẹ hình phạt khi Tòa án xét xử, Phạm Minh T5 cũng biết rõ việc này. Tuy nhiên, Phạm Minh T5 khi được P1 nhờ vả trao đổi với Nguyễn Đức N về việc giúp giảm án cho Lê Nguyễn Tường P1. Thông qua T5, N yêu cầu P1 đưa số tiền 570.000.000 đồng thì sẽ giúp cho P1 được giảm nhẹ hình phạt khi Tòa án xét xử. Do tin tưởng thông tin mà T5, N đưa ra là có thật nên vào ngày 17/9/2020, tại quán cà phê V thuộc phường A, thành phố T, Lê Nguyễn Tường P1 đưa cho Phạm Minh T5 số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng) để giúp cho P1 được xét xử mức án nhẹ. Ngay sau đó, Phạm Minh T5 đi đến quán N3 thuộc thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam giao số tiền 570.000.000 đồng cho Nguyễn Đức N. Số tiền này P1 mượn của chị Nguyễn Thị T4 và được chị T4 giao cho T3 và P1 quán cà phê V. Sau khi nhận số tiền

570.000.000 đồng của Lê Nguyễn Tường P1 do Phạm Minh T5 đưa, Nguyễn Đức N không thực hiện hành vi gì để giúp cho P1 như đã hứa hẹn mà N đã chiếm đoạt số tiền này.

Bị cáo Nguyễn Đức N kháng cáo cho rằng không thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi nhận tiền từ T5, không nhờ ai giúp đỡ để giảm án cho P1. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận có nhận từ T5 400.000.000 đồng để lo giảm án cho P1. Như vậy, các ý kiến tranh luận cho rằng bị cáo không nhận tiền từ T5 là không hợp lý.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đã thể hiện: Bị cáo T5 thừa nhận đã nhận từ P1 số tiền 570.000.000đ tại quán cà phê V. Số tiền này đã được chị T3, P1 và chị T4 cùng kiểm đếm tại quán cà phê V. Tiền sau khi kiểm đếm được đựng trong túi nilong màu đen. Trong quá trình điều tra thì T5, P1, T3, H1 đều thống nhất khai nhận tiền được đựng trong túi nilong màu đen kích thước khoảng 30x20 cm. Tiến hành nhận dạng túi nilong thì T5, P1, T3, H1 đều nhận dạng cùng một loại túi nilong. Sau đó T5 mang theo số tiền này lên xe ô tô do H1 điều khiển để chở T5 đến quán nhậu Hồ S giao tiền cho N. Mặc dù khi giao tiền cho N, T5 không có chứng cứ gì để chứng minh nhưng việc giao tiền có H1 chứng kiến, lời khai của H1 thống nhất với lời khai của T5 về việc T5 mở cửa sau xe ô tô và giao túi tiền cho N. Qua nhận dạng H1 cũng xác nhận N chính là người nhận túi tiền từ T5 tại địa điểm trước quán N3. Khi H1 cung cấp lời khai thì T5 đang bị tạm giam nên lời khai của H1 là khách quan. Lời khai của T5 cũng phù hợp với địa điểm và thời gian phát sinh các cuộc gọi từ thuê bao số 0935.221.290 của T5 gọi đến số thuê bao 0943.040.508 của Nguyễn Đức N như kết quả cung cấp thông tin về cuộc gọi và kết quả xác minh tại Công ty M2. Mặc dù H1 không biết số tiền T5 đưa cho N là bao nhiêu nhưng bị cáo T5 thừa nhận đã nhận từ P1 số tiền 570.000.000 đồng và giao lại toàn bộ cho N, lời khai này phù hợp với lời khai của T3, T4, P1. Số tiền này T5 đã giao lại cho N, lời khai này phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông H1. H1 cũng khai sau khi nhận tiền từ quán V, H1 đã chở T5 đến thẳng quán Hồ S, sau khi giao tiền cho N, H1 chở T5 về nhà, khi xuống xe T5 không mang theo vật gì.

Tại phiên tòa ngày 16/01/2025, chị T3 khai nhận có vay của chị T4 số tiền 600.000.000 đồng nhưng 30.000.000 đồng để sử dụng vào việc khác. Qua lời trình bày của chị T4 cũng đã thể hiện chị T4 có cho P1 mượn số tiền 600.000.000 đồng nhưng giữ lại 30.000.000 đồng để làm hồ sơ đất và hồ sơ vay của P1. Do đó có đủ cơ sở kết luận tại quán cà phê V, chị T4 đã giao cho P1 và T3 số tiền 570.000.000 đồng và P1 giao số tiền này cho T5. Do chị T4, P1, T3 không nhớ được mệnh giá của số tiền trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra không tiến hành thực nghiệm lại quá trình xếp số tiền vào túi nilong là có cơ sở.

Các bị cáo Nguyễn Đức N, Phạm Minh T5 và ý kiến của những người bào chữa cho rằng 02 bị cáo chỉ có hành vi môi giới hối lộ, chứ không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, trong vụ án này, kết quả điều tra và quá trình tranh tụng tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm không có đủ tài liệu chứng cứ để xác định các bị cáo thực hiện hành vi môi giới hối lộ.

Từ những nhận định trên, nhận thấy bản án sơ thẩm đã quyết định các bị cáo

Nguyễn Đức N, Phạm Minh T5 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có cơ sở.

[3] Xem xét về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra không những trực tiếp xâm hại về quyền sở hữu tài sản mà còn ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

Đối với bị cáo **Phạm Minh T5**: quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn Đức N** nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo **Phạm Minh T5** có cha ruột là ông **Phạm Minh N2** là thương binh hạng 4/4 nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với bị cáo **Nguyễn Đức N**: quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Bản án sơ thẩm căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, để xử phạt các bị cáo mức hình phạt ở đầu khung hình phạt; do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bị hại **Lê Nguyễn Tường P1** yêu cầu bị cáo **Nguyễn Đức N** trả lại số tiền 570.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại. Số tiền trên bị cáo **T5** nhận và đã giao cho **Nguyễn Đức N**, do đó bị cáo **N** phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại **Lê Nguyễn Tường P1** là hợp lý.

[5] Các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Quá trình điều tra, bị cáo **Phạm Minh T5** khai có nói với **Lê Nguyễn Tường P1** giao cho Chủ tọa phiên tòa xét xử vụ án với số tiền 30.000.000 đồng theo yêu cầu của **Nguyễn Đức N**. Tuy nhiên, **Lê Nguyễn Tường P1** khai nhận không nghe **Phạm Minh T5** nói nội dung này và **P1** cũng không gặp, không giao số tiền 30.000.000 đồng cho Chủ tọa phiên tòa xét xử vụ án của **P1**. Cơ quan điều tra làm việc với ông **Bùi Đình D** (Chủ tọa phiên tòa xét xử vụ án) thì ông **D** khẳng định, khi xét xử vụ án của **Lê Nguyễn Tường P1** cá nhân ông **D** không bị chi phối, tác động từ điều gì khác. Ngoài lời khai của **Phạm Minh T5** thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh xử lý.

[6] Về án phí: các bị cáo **Nguyễn Đức N, Phạm Minh T5** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đức N** và bị cáo **Phạm Minh T5**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1 - Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức N** 12 (mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); tổng hợp với hình phạt 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 484/2023/HSPT ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo **Nguyễn Đức N** phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 01/10/2020.

2.2- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); xử phạt bị cáo **Phạm Minh T5** 07 (bảy) năm tù. tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/4/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các Điều 585, 587, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Nguyễn Đức N** có nghĩa vụ trả lại cho bị hại **Lê Nguyễn Tường P1** số tiền đã chiếm đoạt là 570.000.000đ (*năm trăm bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo **Nguyễn Đức N** không tự nguyện thi hành số tiền nêu trên thì hằng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 105, 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Tuyên:

- *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước*: 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, Model: A1784, số IMEI: 355355082403824, bên trong có gắn sim số 0935221290 của bị cáo **Phạm Minh T5**. (*Vật chứng trên hiện được quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 26/12/2024*).

- *Lưu theo hồ sơ vụ án*: 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị cáo **Phạm Minh T5** vào ngày 24/4/2024; 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu ghi hình có âm thanh việc ghi lời khai anh **Trương Văn H1** vào ngày 22/4/2024.

5. Các quyết định còn lại được giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo **Nguyễn Đức N**, **Phạm Minh T5** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHSCông an Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long